

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH
Dự thảo Nghị định ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng với Nghị định số 91/2005/NĐ-CP

Nghị định số 91/2005/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng	THUYẾT MINH
Phân Nghị định		
<i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001; Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,</i>	NGHỊ ĐỊNH Ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng <i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chính phủ ban hành Nghị định về Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.</i>	Cập nhật căn cứ về tổ chức Chính phủ, bổ sung căn cứ về tổ chức chính quyền địa phương và đường bộ để phù hợp với thẩm quyền ban hành, nội dung điều chỉnh của Nghị định và việc phân định nhiệm vụ giữa các cơ quan.
Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này "Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng".	Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.	Cơ bản kế thừa Nghị định số 91/2005/NĐ-CP
Điều 2. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.	Điều 2. Hiệu lực thi hành Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ..., thay thế Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.	Việc xác định hiệu lực theo ngày cụ thể phù hợp với kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
Quy định hiện hành không có.	Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp	Bổ sung mới: Việc ban hành Nghị định thay thế sau hơn 20 năm thi hành cần bảo đảm tính ổn định, liên

	1. Tên đường phố, công trình công cộng đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được sử dụng, trừ trường hợp phải đổi tên theo quy định tại Điều 6 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này. 2. Hồ sơ đặt tên, đổi tên đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại Nghị định số 91/2005/NĐ-CP. 3. Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đã được thành lập tiếp tục hoạt động cho đến khi được kiện toàn theo quy định tại Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này. Việc kiện toàn Hội đồng tư vấn phải được hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. 4. Ngân hàng tên đã được xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát, chuẩn hóa, số hóa ngân hàng tên theo Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này. 5. Biển tên đường phố đã được gắn trước ngày Nghị định này tiếp tục được sử dụng.	tục trong công tác quản lý, tránh xáo trộn và phát sinh thủ tục, chi phí không cần thiết. Quy định chuyển tiếp nhằm bảo đảm tiếp tục sử dụng tên đường phố, công trình công cộng đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định; giải quyết hồ sơ đặt tên, đổi tên đã được tiếp nhận trước ngày Nghị định mới có hiệu lực theo quy định của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP; duy trì hoạt động của Hội đồng tư vấn trong thời gian kiện toàn; tiếp tục sử dụng ngân hàng tên và biển tên đã có. Việc bổ sung quy định chuyển tiếp phù hợp với nguyên tắc bảo đảm tính ổn định, khả thi, hiệu quả trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 4 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.
Điều 3. Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế này.	Điều 4. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Giữ nguyên trách nhiệm thi hành của các bộ, cơ quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.		
PHẦN QUY CHẾ		
Chương 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	QUY CHẾ Đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng (Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày / /2026 của Chính phủ)	

	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Quy chế này quy định việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại các đô thị ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quy chế này quy định nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng tại đô thị; việc xây dựng, công bố cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng; việc quản lý, sử dụng ngân hàng tên và tổ chức thực hiện việc đặt tên, đổi tên.	Điều 1 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP mới quy định khái quát về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tại đô thị. Dự thảo quy định rõ hơn các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh, bao gồm nguyên tắc, tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên; xây dựng, công bố cơ sở dữ liệu về tên; quản lý, sử dụng ngân hàng tên và tổ chức thực hiện. Việc bổ sung nội dung về cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản lý, khai thác thông tin về tên đường phố, công trình công cộng, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và yêu cầu kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu có liên quan tại khoản 2 Điều 6 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15. Đối với công trình công cộng thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư 100% kinh phí để xây dựng, dự thảo bổ sung quy định riêng về thẩm quyền và việc đặt tên, đổi tên tại khoản 2 Điều 9 và Điều 14, nhằm khắc phục việc Nghị định số 91/2005/NĐ-CP chưa quy định rõ đối với trường hợp này (tiếp thu ý kiến của An Giang, Vĩnh Long, Lào Cai, Hưng Yên)..
Điều 2. Việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng nhằm góp phần thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các hoạt động giao dịch kinh tế, văn hóa - xã hội; đồng thời góp phần giáo dục truyền thống lịch sử - văn hoá dân tộc, nâng cao tình yêu quê hương, đất nước,		Không tiếp tục quy định riêng điều về mục đích của việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. Các nội dung tại Điều 2 này về bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa, giáo dục truyền thống và tạo thuận lợi cho quản lý hành chính, giao thông, xác định địa chỉ, hoạt động của tổ chức, cá nhân được tiếp thu, cụ thể hóa tại khoản 1 và khoản 7 Điều 4 dự thảo.

lòng tự hào dân tộc, tình hữu nghị đoàn kết quốc tế.		Việc cơ cấu lại nhằm hạn chế các quy định mang tính mục tiêu, khái quát; cụ thể hóa thành các nguyên tắc, yêu cầu làm căn cứ lựa chọn tên và xem xét phương án đặt tên, đổi tên, góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả áp dụng; phù hợp với yêu cầu về nội dung của văn bản ban hành kèm theo tại điểm b khoản 4 Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và nguyên tắc bảo đảm tính khoa học, khả thi, hiệu quả tại khoản 4 Điều 5 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15.
Không quy định	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc tham mưu việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. 2. Chủ đầu tư, chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình công cộng. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Bổ sung mới. Lý do: Dự thảo bổ sung quy định về thẩm quyền đặt tên, đổi tên đối với công trình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư 100% kinh phí để xây dựng tại khoản 2 Điều 9; quy định về việc đặt tên, đổi tên đối với các công trình này tại Điều 14. Do đó, việc bổ sung điều quy định về đối tượng áp dụng nhằm xác định rõ các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự điều chỉnh của Quy chế, đặc biệt là chủ đầu tư, chủ sở hữu, tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình công cộng, bảo đảm thống nhất trong việc áp dụng các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm và tổ chức thực hiện..
Điều 3. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Đại lộ là đường phố có quy mô lớn, có ý nghĩa đặc biệt và giữ vị trí quan trọng trong mạng lưới giao thông đô thị, đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật, thẩm mỹ và cảnh quan đô thị. 2. Đường là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị có quy mô lớn về chiều dài, chiều rộng, gồm các trục	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Đường phố là một loại đường đô thị theo quy định của pháp luật về đường bộ, thuộc phạm vi địa giới hành chính của đô thị, không bao gồm đường cao tốc đô thị, ngõ, ngách, kiệt, hẻm và đường nội bộ. 2. Công trình công cộng bao gồm quảng trường, công viên, vườn hoa, công trình văn hoá - nghệ thuật, thể dục thể thao, công trình phục vụ du lịch, vui chơi giải trí và công trình khác phục vụ nhu cầu chung của cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định.	1. Không tiếp tục giải thích riêng các từ ngữ “đại lộ”, “đường”, “phố”, “ngõ (kiệt)”, “ngách (hẻm)”, “đô thị” tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP. Lý do: Các thuật ngữ liên quan đã được quy định trong pháp luật chuyên ngành, cụ thể: đường đô thị được xác định tại điểm đ khoản 1 Điều 8 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15; “ngõ (kiệt)”, “ngách (hẻm)” được giải thích tại khoản 4, khoản 5 Điều 3

chính trên địa bàn đô thị, các tuyến vành đai, liên tỉnh. 3. Phố là lối đi lại được xác định trong quy hoạch đô thị, hai bên phố thường có các công trình kế tiếp nhau như nhà ở, cửa hàng, cửa hiệu. 4. Ngõ (kiệt) là lối đi lại nhỏ từ đường, phố vào các cụm dân cư đô thị. 5. Ngách (hẻm) là lối đi lại hẹp từ ngõ (kiệt) vào sâu trong các cụm dân cư đô thị. 6. Công trình công cộng trong Quy chế này bao gồm quảng trường, công viên, vườn hoa, cầu, bến xe, công trình văn hoá - nghệ thuật, thể dục thể thao, y tế, giáo dục, công trình phục vụ du lịch, vui chơi giải trí. 7. Đô thị bao gồm thành phố, thị xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập. Đô thị được phân thành 6 loại, gồm : đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, đô thị loại II, đô thị loại III, đô thị loại IV và đô thị loại V.	3. Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng là tập hợp các dữ liệu điện tử về tên gọi, nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, tình trạng sử dụng của tên gọi và các thông tin có liên quan, phục vụ việc lựa chọn, đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. 4. Ngân hàng tên là tập hợp các tên đã được nghiên cứu, xác minh, hệ thống hóa để phục vụ việc lựa chọn tên đường, phố và công trình công cộng.	Thông tư số 08/2024/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; “đô thị” được giải thích tại khoản 1 Điều 2 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15. Việc không quy định lại nhằm bảo đảm thống nhất với pháp luật chuyên ngành, tránh trùng lặp và khác biệt trong cách hiểu, áp dụng (<i>Tiếp thu ý kiến của Bắc Ninh, Bình Phước, Sơn La, TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Cà Mau, Bình Định, Cần Thơ, Điện Biên, Lai Châu, Nam Định, Thanh Hóa</i>) 2. Kế thừa, sửa đổi quy định về công trình công cộng tại khoản 6 Điều 3 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP. Lý do: Không tiếp tục liệt kê cầu, bến xe do đây là các công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ theo khoản 2, khoản 4 Điều 2 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15. Không tiếp tục liệt kê công trình thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục nhằm tránh chồng chéo với các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đến tên gọi của cơ sở y tế, cơ sở giáo dục. Bổ sung “<i>công trình khác phục vụ nhu cầu chung của cộng đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định</i>” nhằm bao quát các loại công trình phục vụ cộng đồng phát sinh trong thực tiễn nhưng chưa được liệt kê cụ thể trong Quy chế (<i>Tiếp thu ý kiến của Bến Tre về các công trình chưa có trong danh mục</i>). 3. Bổ sung giải thích các từ ngữ “<i>cơ sở dữ liệu dùng chung về tên</i>”, “<i>ngân hàng tên</i>”. Lý do: Nghị định số 91/2005/NĐ-CP chưa có quy định giải thích các thuật ngữ này. Dự thảo bổ sung nhằm thống nhất cách hiểu, phân biệt cơ sở dữ liệu dùng chung về tên với ngân hàng tên của địa phương, tạo cơ sở cho
--	--	--

		việc xây dựng, quản lý, cập nhật, công bố và khai thác thông tin phục vụ đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng.
Chương 2: NGUYÊN TẮC VỀ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	Chương II NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG PHỐ, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	
Mục 1: NGUYÊN TẮC CHUNG Điều 4. Tất cả các đường, phố và công trình công cộng trong thành phố, thị xã, thị trấn được xây dựng theo quy hoạch đô thị, được sử dụng ổn định thì được xem xét để đặt tên. Điều 5. Không đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hoá của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào trong tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ. Trường hợp đường, phố và công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hoá, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì phải đổi tên, nhưng cần xem xét thận trọng. Điều 6. Không đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng bằng các tên gọi khác nhau của một danh nhân trên cùng một địa bàn đô thị. Trong trường hợp đặc biệt thì cần xem xét từng trường hợp cụ thể gắn với các mốc lịch sử cụ	Điều 4. Nguyên tắc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng 1. Việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng phải phù hợp với lịch sử, văn hóa, truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc và đặc trưng của địa phương; góp phần bảo tồn, tôn vinh, phát huy giá trị lịch sử, văn hóa và giáo dục truyền thống. 2. Tên đặt cho đường phố, công trình công cộng phải được thể hiện bằng tiếng Việt. Trường hợp sử dụng tên có nguồn gốc nước ngoài hoặc ngôn ngữ bằng tiếng dân tộc thiểu số thì phải được phiên âm sang tiếng Việt. 3. Việc lựa chọn tên phải phù hợp với vị trí, chức năng, cấp, quy mô của đường phố, công trình công cộng và ý nghĩa, tầm quan trọng của địa danh, sự kiện lịch sử, công lao của danh nhân được lựa chọn để đặt tên. 4. Ưu tiên sử dụng tên địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, danh nhân tiêu biểu của địa phương. 5. Không sử dụng các tên gọi khác nhau của cùng một danh nhân để đặt tên đường phố, công trình công cộng mới trong cùng một đô thị, trừ trường hợp địa phương là quê hương của danh nhân hoặc trường hợp đặc biệt gắn với các dấu mốc lịch sử có ý nghĩa đặc biệt trong cuộc đời, sự nghiệp của danh nhân. Không sử dụng trùng tên trong cùng một đô thị. 6. Việc sử dụng tên danh nhân nước ngoài để đặt tên đường phố, công trình công cộng phải phù hợp với mức độ đóng góp,	1 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định các nguyên tắc đặt tên, đổi tên tại Điều 4 đến Điều 9 thuộc Mục 1 Chương II nhưng chưa tập hợp trong một điều. Dự thảo cơ cấu lại, tập hợp các nguyên tắc về giá trị lịch sử, văn hóa, tính tương xứng, hạn chế trùng tên và bảo đảm tính thống nhất trong quản lý thông tin, dữ liệu tại Điều 4; các điều kiện xem xét đặt tên và trường hợp đổi tên được quy định cụ thể tại Điều 5 và Điều 6. 2. Cơ bản kế thừa các nguyên tắc tại Điều 4 đến Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, trong đó có những sửa đổi, bổ sung sau: - Thay quy định lựa chọn tên theo phân loại đô thị tại Điều 7 bằng các nguyên tắc áp dụng chung, căn cứ vào vị trí, chức năng, cấp, quy mô của đường phố, công trình công cộng và ý nghĩa, tầm quan trọng của tên được lựa chọn; bảo đảm giá trị lịch sử, văn hóa, tính khoa học, hệ thống, ổn định và sự tương xứng. - Bổ sung nguyên tắc không sử dụng trùng tên trong cùng một đô thị tại khoản 5 Điều 4 (<i>Tiếp thu ý kiến của Đồng Nai, Hà Tĩnh, Thanh Hóa về tình trạng trùng tên, lặp tên</i>). - Bổ sung yêu cầu bảo đảm thống nhất giữa văn bản quyết định đặt tên, đổi tên với biên bản, hồ sơ quản

thể trong cuộc đời hoạt động của danh nhân để có phương án xử lý phù hợp. Điều 7. Đô thị loại đặc biệt cần lựa chọn tên các địa danh, tên các sự kiện lịch sử trọng đại, các danh nhân tiêu biểu của cả nước hoặc của thế giới trên mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội, nghệ thuật, khoa học, an ninh, quốc phòng... để đặt tên cho đường, phố và công trình công cộng. Các đô thị còn lại, căn cứ vào phân loại cấp đô thị để lựa chọn sự kiện lịch sử - văn hoá, danh nhân đặt tên cho đường, phố và công trình công cộng cho phù hợp; cần ưu tiên lấy địa danh nổi tiếng, sự kiện lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, danh nhân tiêu biểu của địa phương mình để đặt tên đường, phố và công trình công cộng. Điều 8. Tên danh nhân nước ngoài được xem xét đặt cho đường, phố và công trình công cộng đô thị loại đặc biệt và địa phương, đơn vị gắn liền với những đóng góp to lớn của danh nhân. Điều 9. Căn cứ vào vị trí, cấp độ, quy mô của đường, phố và công trình công cộng để đặt tên tương xứng với ý nghĩa của địa danh, tầm quan trọng của sự kiện lịch sử và công lao của danh nhân.	tầm ảnh hưởng của danh nhân và mối liên hệ với Việt Nam hoặc địa phương. 7. Việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng phải bảo đảm tính khoa học, hệ thống, ổn định, dễ nhận biết, dễ sử dụng; thuận lợi cho quản lý hành chính, giao thông, địa chỉ, thông tin liên lạc, cứu hộ, cứu nạn và hoạt động của tổ chức, cá nhân; bảo đảm thống nhất giữa văn bản quyết định đặt tên, đổi tên với biển tên, hồ sơ quản lý, cơ sở dữ liệu và bản đồ số.	lý, cơ sở dữ liệu và bản đồ số tại khoản 7 Điều 4 (Tiếp thu ý kiến của An Giang, Đồng Nai, Lâm Đồng, Nghệ An, Yên Bái, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Long, Nam Định) Lý do:Việc cơ cấu lại nhằm hệ thống hóa các nguyên tắc đặt tên, đổi tên, bảo đảm áp dụng thống nhất trong lựa chọn tên và xem xét phương án đặt tên, đổi tên; khắc phục hạn chế của việc lựa chọn tên theo phân loại đô thị, bổ sung yêu cầu hạn chế trùng tên và bảo đảm thống nhất thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý. Việc bảo đảm giá trị lịch sử, văn hóa phù hợp với quan điểm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc tại Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị; việc bổ sung yêu cầu thống nhất với cơ sở dữ liệu và bản đồ số phù hợp với chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
	Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn và đặt tên đường phố, công trình công cộng 1.Đường phố được xem xét đặt tên khi đã được xây dựng theo quy hoạch, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy	1. Về điều kiện xem xét đặt tên: Điều 4 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định đường, phố và công trình công cộng trong thành phố, thị xã, thị trấn được xây dựng theo quy

	định của pháp luật. Công trình công cộng được xem xét đặt tên khi đã được đầu tư xây dựng hợp pháp và có đủ căn cứ xác định vị trí, chức năng, quy mô và cơ quan, tổ chức quản lý công trình. 2. Đường phố, công trình công cộng được đặt tên theo các nhóm tên quy định tại Điều 7 Quy chế này, bảo đảm các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. 3. Việc xác định vị trí, chức năng, cấp, quy mô của đường phố, công trình công cộng để lựa chọn tên tương xứng được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và hồ sơ quản lý đường phố, công trình công cộng. Tên danh nhân, địa danh, sự kiện lịch sử, văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của quốc gia được ưu tiên sử dụng cho đường phố, công trình công cộng có vị trí, chức năng hoặc quy mô tương xứng; khuyến khích sử dụng tên địa danh, danh nhân, sự kiện lịch sử, văn hóa tiêu biểu của địa phương, bảo đảm tính đặc trưng và bản sắc của địa phương. 4. Cấp công trình được xác định theo hồ sơ dự án đầu tư xây dựng. Trường hợp không có hồ sơ hoặc hồ sơ không xác định cấp công trình, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng, căn cứ hiện trạng công trình và đề nghị của cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về văn hóa). 5. Mỗi đường phố được đặt một tên thống nhất trên toàn tuyến, trừ trường hợp cần phải chia thành các đoạn để đặt tên do đặc điểm lịch sử, không gian đô thị, chức năng giao thông hoặc đặc điểm quản lý. Điểm phân đoạn phải là nút giao hoặc ranh giới tự nhiên; mỗi đoạn phải xác định điểm đầu, điểm cuối. Điểm đầu của đường phố được xác định thống nhất với quy định của pháp luật về đánh số và gắn biển số nhà.	hoạch đô thị, được sử dụng ổn định thì được xem xét đặt tên. Quy định này cần được điều chỉnh phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tại khoản 1 Điều 1 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và yêu cầu chỉ đặt tên cho các công trình đã đủ điều kiện khai thác, sử dụng. Khoản 1 Điều 5 dự thảo thay điều kiện “được sử dụng ổn định” bằng yêu cầu đường phố đã được xây dựng theo quy hoạch, đủ điều kiện đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật; đối với công trình công cộng, phải được đầu tư xây dựng hợp pháp và có đủ căn cứ xác định vị trí, chức năng, quy mô, cơ quan, tổ chức quản lý công trình. Việc sửa đổi nhằm xác định rõ điều kiện xem xét đặt tên, khắc phục tình trạng chậm đặt tên so với tiến độ xây dựng và đưa công trình vào sử dụng (<i>tiếp thu ý kiến của TP. Hồ Chí Minh, Bắc Kạn, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Phú Thọ, Quảng Bình về việc đặt tên chưa theo kịp tốc độ đô thị hóa, nhiều tuyến đường, khu đô thị mới đã sử dụng chưa được đặt tên; và ý kiến của TP. Hồ Chí Minh về bất cập giữa điều kiện “sử dụng ổn định” tại Điều 4 với yêu cầu đặt tên khi phê duyệt dự án</i>). 2. Về nguyên tắc lựa chọn tên tương xứng: Kế thừa Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, khoản 2 và khoản 3 Điều 5 dự thảo cụ thể hóa việc lựa chọn tên theo các nhóm tên tại Điều 7, bảo đảm nguyên tắc tại Điều 4; xác định sự tương xứng giữa tên dự kiến với vị trí, chức năng, cấp, quy mô của đường phố, công trình công cộng trên cơ sở pháp luật có liên quan và hồ sơ quản lý. Đồng thời, ưu tiên sử dụng tên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của quốc gia cho đối tượng tương
--	---	--

		xúng, khuyến khích sử dụng tên tiêu biểu của địa phương. Việc sửa đổi nhằm khắc phục tính định tính của tiêu chí tại Điều 9 và không tiếp tục áp dụng cách lựa chọn tên theo phân loại đô thị tại Điều 7 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP (<i>Tiếp thu ý kiến của Bắc Ninh, Hòa Bình, Lâm Đồng, Ninh Bình, Sơn La, TP. Huế, Yên Bái, Bắc Kạn, Cao Bằng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Hải Phòng, Lạng Sơn, Phú Thọ, Quảng Bình, Thái Nguyên, Bình Định, Cần Thơ, Điện Biên, Lai Châu, Nam Định, Quảng Trị, Thanh Hóa về việc thiếu tiêu chí xác định quy mô, cấp độ đường, phố để đặt tên tương xứng</i>) 3. Về xác định cấp công trình: Khoản 4 Điều 5 dự thảo bổ sung quy định xác định cấp công trình theo hồ sơ dự án đầu tư xây dựng. Trường hợp không có hồ sơ hoặc hồ sơ không xác định cấp công trình, cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng, căn cứ hiện trạng công trình và đề nghị của cơ quan chuyên môn về văn hóa. Quy định nhằm tạo căn cứ xác định cấp công trình phục vụ việc lựa chọn tên tương xứng. 4. Về đặt tên thống nhất trên toàn tuyến và phân đoạn: Khoản 5 Điều 5 dự thảo kế thừa, sửa đổi Điều 12 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, quy định mỗi đường phố được đặt một tên thống nhất trên toàn tuyến; trường hợp cần thiết được chia thành các đoạn do đặc điểm lịch sử, không gian đô thị, chức năng giao thông hoặc đặc điểm quản lý. Điểm phân đoạn phải là nút giao hoặc ranh giới tự nhiên; mỗi đoạn phải xác định điểm đầu, điểm cuối; điểm đầu của đường phố được xác
--	--	---

		định thống nhất với pháp luật về đánh số và gắn biển số nhà. Việc sửa đổi nhằm khắc phục quy định mang tính định tính tại Điều 12 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, bổ sung căn cứ phân đoạn và cách xác định điểm đầu, điểm cuối (<i>Tiếp thu ý kiến của TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Hậu Giang, Hưng Yên, Lào Cai, Điện Biên (6/40 báo cáo) về việc chưa có hướng dẫn phân đoạn, xác định điểm đầu, điểm cuối tuyến đường</i>). 5. Về những nội dung không tiếp tục quy định: lý do nội dung quy hoạch đường giao thông đô thị thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quy hoạch và đường bộ. Việc lựa chọn tên tương xứng với vị trí, chức năng, cấp, quy mô của đường phố và ý nghĩa của tên được lựa chọn đã được quy định tại Điều 4 và Điều 5 dự thảo. Không tiếp tục quy định riêng cách gọi ngõ (kiệt), ngách (hẻm) tại Điều 13 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP nhằm tránh trùng lặp với quy định về xác định tên ngõ, ngách chưa có tên riêng và đánh số nhà trong ngõ, ngách tại Điều 7 Thông tư số 08/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, bảo đảm thống nhất với pháp luật chuyên ngành. Việc đường đô thị trùng với đường khác được thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 11 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.
Điều 5. Không đổi tên đường, phố và công trình công cộng đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hoá của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào trong tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ. Trường hợp	Điều 6. Đổi tên đường phố, công trình công cộng 1. Đường phố, công trình công cộng đã đặt tên thuộc các trường hợp sau đây thì phải đổi tên: a) Không có ý nghĩa lịch sử - văn hoá, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc;	1. Về các trường hợp đổi tên Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định các trường hợp phải đổi tên nhưng chưa phân biệt trường hợp bắt buộc đổi tên với trường hợp được xem xét đổi tên. Khoản 1 và khoản 2 Điều 6 dự thảo phân định thành hai

đường, phố và công trình công cộng đã đặt tên mà xét thấy không có ý nghĩa lịch sử - văn hoá, không phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc, không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội thì phải đổi tên, nhưng cần xem xét thận trọng.	b) Người được đặt tên không phải là nhân vật tiêu biểu của đất nước hoặc của địa phương, gây ảnh hưởng, tác động xấu trong xã hội; c) Tên trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn nghiêm trọng trong quản lý, giao dịch hoặc xác định địa chỉ. 2. Các trường hợp xem xét, đổi tên đường phố, công trình công cộng: a) Tên được đặt không đúng quy định của pháp luật tại thời điểm đặt tên; b) Tên không còn phù hợp do thay đổi tính chất, chức năng hoặc phạm vi của công trình; c) Tên không tương xứng rõ rệt với quy mô đường phố, công trình công cộng; d) Đổi tên để thống nhất tên gọi trên toàn tuyến khi nối dài, sáp nhập tuyến đường hoặc khi việc sắp xếp đơn vị hành chính làm phát sinh tên trùng trong phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã; đ) Trường hợp đặc biệt khác vì lợi ích công cộng và được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 9 Quy chế này xem xét, quyết định. 3. Hạn chế đổi tên đường phố, công trình công cộng: a) Không đổi tên đường phố, công trình công cộng đã có tên gọi quen thuộc, đã gắn bó với lịch sử - văn hoá của dân tộc, của địa phương và đã ăn sâu vào trong tiềm thức, tình cảm của nhân dân qua nhiều thế hệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Khi đề xuất đổi tên phải xem xét thận trọng và đánh giá tác động đối với: Người dân; tổ chức, doanh nghiệp; địa chỉ hành chính; giấy tờ, hồ sơ; cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin có liên quan. b) Không bắt buộc đổi tên đường phố trong trường hợp đường phố đó đi qua địa bàn được cấp có thẩm quyền quyết định giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính của địa phương;	nhóm nhằm xác định rõ căn cứ áp dụng, bảo đảm tính ổn định của hệ thống tên gọi. Dự thảo bổ sung trường hợp tên trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn nghiêm trọng; tên không còn phù hợp do thay đổi tính chất, chức năng hoặc phạm vi công trình; tên không tương xứng rõ rệt với quy mô đường phố, công trình công cộng (<i>Tiếp thu ý kiến của Cán Thơ về tuyến đường ngắn đã đặt tên danh nhân lớn nhưng không thuộc trường hợp được đổi tên</i>). Bổ sung trường hợp xem xét đổi tên để thống nhất tên gọi trên toàn tuyến khi nối dài, sáp nhập tuyến đường hoặc khi sắp xếp đơn vị hành chính làm phát sinh tên trùng (<i>Tiếp thu ý kiến của Thanh Hóa về tên danh nhân lặp lại nhiều lần trong một tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính</i>). 2. Về hạn chế đổi tên Khoản 3 Điều 6 dự thảo kế thừa nguyên tắc hạn chế đổi tên tại Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, đồng thời bổ sung quy định không bắt buộc đổi tên đường phố chỉ vì thay đổi địa giới hành chính, phù hợp với khoản 3 Điều 11 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15. Bổ sung yêu cầu xem xét thận trọng và đánh giá tác động của việc đổi tên đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp, địa chỉ hành chính, giấy tờ, hồ sơ, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin có liên quan nhằm hạn chế xáo trộn, chi phí phát sinh và bảo đảm việc đổi tên có căn cứ thực tiễn (<i>Tiếp thu ý kiến của Bình Định về tác động tiêu cực của việc đổi tên: chi phí thay đổi giấy tờ, biển hiệu, xáo trộn thói quen của người dân</i>). 3. Về điều chỉnh thành tổ hành chính trong tên công trình công cộng
--	--	--

	c) Các trường hợp không được đổi tên theo quy định của pháp luật về đường bộ. 4. Việc điều chỉnh thành tổ chỉ tên đơn vị hành chính hoặc cấp đơn vị hành chính trong tên công trình công cộng do thay đổi tên đơn vị hành chính, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính không được coi là đổi tên theo Quy chế này nếu không làm thay đổi nội dung định danh của tên công trình. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định đặt tên công trình quyết định việc điều chỉnh và tổ chức cập nhật biển tên, hồ sơ, cơ sở dữ liệu có liên quan.	Khoản 4 Điều 6 dự thảo bổ sung quy định việc điều chỉnh thành tổ chỉ tên đơn vị hành chính hoặc cấp đơn vị hành chính trong tên công trình công cộng do sắp xếp đơn vị hành chính không được coi là đổi tên nếu không làm thay đổi nội dung định danh của công trình. Quy định này nhằm xử lý những thay đổi về tên gọi đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm duy trì tên gọi đã xác lập và hạn chế việc phải thực hiện thủ tục đổi tên không cần thiết (<i>Tiếp thu ý kiến của An Giang, Bắc Ninh, Bình Phước, Khánh Hòa, Nghệ An, Ninh Bình, TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Bắc Kạn, Bạc Liêu, Cà Mau, Cao Bằng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lạng Sơn, Phú Thọ, Phú Yên, Quảng Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Long, Điện Biên, Thanh Hóa đề nghị điều chỉnh theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp</i>).
Mục 2:ĐẶT TÊN ĐƯỜNG, PHỐ Điều 10. Đường, phố được đặt tên trên cơ sở lựa chọn một trong các tên sau đây : 1. Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hoá của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt. 2. Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hoá, xã hội. 3. Tên di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương và đã được	Điều 7. Tên được sử dụng đặt cho đường phố, công trình công cộng 1. Tên sử dụng để đặt cho đường phố gồm các nhóm tên theo quy định tại Điều 11 Luật Đường bộ, bao gồm: a) Tên danh nhân, bao gồm danh nhân Việt Nam và người nước ngoài; người có công với đất nước (sau đây gọi chung là danh nhân). Danh nhân phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước; có công lớn trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được Nhân dân suy tôn và thừa nhận. Chỉ sử dụng tên người đã từ trần tối thiểu 10 năm. Trường hợp đặc biệt, việc sử dụng tên người từ trần chưa đủ 10 năm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.	1. Về các nhóm tên được sử dụng đặt cho đường phố, công trình công cộng Điều 7 dự thảo cơ cấu lại các nhóm tên được sử dụng đặt cho đường phố, công trình công cộng, bảo đảm thống nhất với điểm a khoản 1 Điều 11 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15. Đối với đường phố, các nhóm tên được sắp xếp lại theo Luật Đường bộ, bổ sung nhóm “<i>người có công với đất nước</i>” và “<i>tên theo tập quán</i>”. Đối với công trình công cộng, ngoài các nhóm tên quy định tại khoản 1 Điều 7, dự thảo tiếp tục cho phép sử dụng danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, văn hóa, xã hội theo khoản 2 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, đồng thời bổ sung yếu tố “<i>lịch sử</i>” và “<i>tên khác theo quy định của pháp luật</i>” (<i>Tiếp thu ý kiến của Đồng Nai, Nghệ</i>

xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hoá. 4. Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương. 5. Tên danh nhân bao gồm cả danh nhân nước ngoài. Danh nhân đó phải là người nổi tiếng, có đức, có tài, có đóng góp to lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc cũng như của địa phương hoặc có đóng góp đặc biệt cho đất nước, có công lớn trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, phát triển tình hữu nghị giữa các dân tộc, được nhân dân suy tôn và thừa nhận. Những nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đặt tên cho đường, phố và công trình công cộng.	Những nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử thì chưa xem xét đặt tên cho đường phố, công trình công cộng. Việc sử dụng tên danh nhân phải có hồ sơ, tài liệu xác thực về tên gọi, thân thế, sự nghiệp, công lao và giá trị lịch sử, văn hóa của danh nhân. b) Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương và đã được xếp hạng theo quy định của Luật Di sản văn hóa; c) Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng chống xâm lược có giá trị tiêu biểu của quốc gia hoặc địa phương; d) Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu về lịch sử - văn hóa của đất nước hoặc địa phương; địa danh đã quen dùng từ xa xưa, đã ăn sâu vào tiềm thức của Nhân dân; tên địa phương kết nghĩa hoặc có mối quan hệ đặc biệt; đ) Tên theo tập quán đã được sử dụng ổn định, được cộng đồng thừa nhận và không trái với các nguyên tắc của Quy chế này. 2. Tên sử dụng để đặt cho công trình công cộng gồm: a) Các tên quy định tại khoản 1 Điều này; b) Danh từ có ý nghĩa tiêu biểu về chính trị, lịch sử, văn hóa, xã hội như Độc lập, Tự do, Dân chủ, Thống nhất, Giải phóng, Đồng khởi; c) Tên khác theo quy định của pháp luật. 3. Việc sử dụng tên người nước ngoài có đóng góp đặc biệt đối với Việt Nam hoặc địa phương phải được Hội đồng tư vấn xem xét trên cơ sở hồ sơ xác thực và bảo đảm phù hợp với pháp luật, quan hệ đối ngoại và truyền thống văn hóa Việt Nam.	<i>An, Điện Biên, Quảng Trị đề nghị đa dạng hóa nguồn tên).</i> Lý do: Điều 10 và Điều 14 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP cho phép sử dụng các nhóm tên chung đối với đường phố và công trình công cộng. Việc cơ cấu lại nhằm bảo đảm thống nhất với các nhóm tên đường bộ tại điểm a khoản 1 Điều 11 Luật Đường bộ, đồng thời tạo sự linh hoạt trong lựa chọn tên công trình công cộng phù hợp với tính chất, chức năng của công trình. 2. Về điều kiện sử dụng tên danh nhân Điểm a khoản 1 Điều 7 dự thảo kế thừa tiêu chuẩn đối với danh nhân tại khoản 5 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP; giữ quy định chưa xem xét đặt tên đối với nhân vật lịch sử còn có ý kiến đánh giá khác nhau hoặc chưa rõ ràng về mặt lịch sử. Bổ sung điều kiện chỉ sử dụng tên người đã từ trần tối thiểu 10 năm, trừ trường hợp đặc biệt do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (<i>Tiếp thu ý kiến của TP. Huế đề nghị nhân vật được chọn phải từ trần ít nhất 05 năm (trừ trường hợp đặc biệt).</i> Bổ sung yêu cầu có hồ sơ, tài liệu xác thực về tên gọi, thân thế, sự nghiệp, công lao và giá trị lịch sử, văn hóa của danh nhân (<i>Tiếp thu ý kiến của Bắc Ninh, Lâm Đồng, Sơn La, TP. Hồ Chí Minh, Bắc Kạn, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lào Cai, Phú Thọ, Quảng Bình, Thái Nguyên, Bình Định, Thanh Hóa về tiêu chí lựa chọn tên danh nhân, nhân vật lịch sử chưa rõ).</i> Lý do: Quy định hiện hành chưa xác định thời gian tối thiểu kể từ khi nhân vật từ trần và chưa quy định cụ thể yêu cầu về hồ sơ xác thực. Việc bổ sung nhằm nâng cao tính thận trọng, bảo đảm việc lựa
---	--	--

		chọn danh nhân có căn cứ lịch sử và tài liệu kiểm chứng, hạn chế tranh luận khi đặt tên. 3. Về những trường hợp ngoại lệ và sử dụng tên danh nhân nước ngoài Khoản 5 Điều 4 dự thảo kế thừa Điều 6 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, cụ thể hóa các trường hợp ngoại lệ đối với việc sử dụng những tên gọi khác nhau của cùng một danh nhân trên cơ sở Mục I Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT. Khoản 6 Điều 4 và khoản 3 Điều 7 dự thảo sửa đổi quy định tại Điều 8 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP theo hướng không tiếp tục giới hạn việc sử dụng tên danh nhân nước ngoài ở đô thị loại đặc biệt; đồng thời quy định yêu cầu về mức độ đóng góp, tầm ảnh hưởng, mối liên hệ với Việt Nam hoặc địa phương, hồ sơ xác thực và việc xem xét của Hội đồng tư vấn. Lý do: Việc sửa đổi nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất các trường hợp ngoại lệ, tăng căn cứ kiểm chứng đối với tên danh nhân nước ngoài, bảo đảm phù hợp với quan hệ đối ngoại và truyền thống văn hóa Việt Nam.
Không quy định	Điều 8. Cơ sở dữ liệu về tên đường phố, công trình công cộng Điều 8. Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan xây dựng, quản lý, cập nhật và công bố Cơ sở dữ liệu tên để các tỉnh/thành tham khảo, sử dụng để xây dựng ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng tại địa phương. Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng bao gồm:a) Tên danh nhân Việt Nam có đóng góp tiêu biểu đối với đất	Việc bổ sung nhằm hình thành nguồn thông tin dùng chung, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, nghiên cứu, xác minh nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa của tên gọi; hạn chế trùng lặp trong quá trình thu thập, xác minh thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân hàng tên. Quy định này phù hợp với yêu cầu thu thập, tạo lập, cập nhật, chia sẻ và sử dụng dữ liệu tại khoản 2 Điều 11, Điều 12 và khoản 2 Điều 17 Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung; đồng thời

	nước; danh nhân nước ngoài có đóng góp đặc biệt đối với Việt Nam; b) Tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử, chiến thắng có ý nghĩa tiêu biểu đối với đất nước; c) Tên địa danh có giá trị, ý nghĩa tiêu biểu về lịch sử, văn hóa của đất nước; d) Tên theo tập quán và các tên gọi khác có giá trị, ý nghĩa tiêu biểu ở phạm vi quốc gia hoặc được sử dụng phổ biến tại nhiều địa phương. 2. Ngân hàng tên tại các tỉnh/thành do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, công bố và cập nhật thường xuyên. Cơ quan chuyên môn về văn hóa là cơ quan đầu mối xây dựng, quản lý, cập nhật và khai thác ngân hàng tên; tổ chức nghiên cứu, xác minh nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa và các thông tin có liên quan đối với tên dự kiến đưa vào ngân hàng tên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt ngân hàng tên và việc bổ sung ngân hàng tên. Ngân hàng tên bao gồm: Tên đã được sử dụng; tên đã được nghiên cứu, xác minh và đề xuất sử dụng; thông tin về nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị của tên; tình trạng sử dụng của từng tên; thông tin khác cần thiết. Ngân hàng tên phải được cập nhật thường xuyên, số hóa và công khai theo quy định. Tên chưa có trong ngân hàng tên được xem xét để đặt tên nếu đáp ứng quy định của Quy chế này. Việc bổ sung tên vào ngân hàng tên của địa phương được thực hiện đồng thời trong quá trình xem xét phương án đặt tên. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung vào ngân hàng tên của trung ương.	phù hợp với chủ trương phát triển, kết nối, chia sẻ dữ liệu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
Chương 3: THẨM QUYỀN VÀ QUY TRÌNH XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	Chương III THẨM QUYỀN VÀ QUY TRÌNH XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VIỆC ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG PHỐ, CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	

Điều 15. Việc đặt tên công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định. Các công trình công cộng khác ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc đặt tên hoặc ủy quyền cho ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc tỉnh, ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã quyết định. Điều 16. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường, phố; công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng. Điều 17. ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ: 1. Thành lập Hội đồng tư vấn về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để giúp ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nghiên cứu xác lập ngân hàng tên; lên danh mục tên các đường, phố và công trình công cộng cần đặt tên hoặc đổi tên; lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn (Hội Khoa học lịch sử, Hội Văn học nghệ thuật ...), các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể và các nhà khoa học. Cần công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng để nhân dân tham gia góp ý kiến trước khi ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng	Điều 9. Thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng 1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: a) Đặt tên, đổi tên đường phố trên địa bàn; b) Đặt tên, đổi tên công trình công cộng trên địa bàn là tài sản công hoặc được đầu tư xây dựng từ sử dụng ngân sách nhà nước, không phụ thuộc vào tỷ lệ ngân sách nhà nước tham gia. 2. Tổ chức, cá nhân quyết định đặt tên, đổi tên công trình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư 100% kinh phí để xây dựng được sử dụng vào mục đích khai thác, kinh doanh, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu chung của cộng đồng. 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đối với đường phố, công trình công cộng quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại các điều 10, 11, 12 và 13 của Quy chế này. Việc đặt tên, đổi tên đối với công trình quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.	Việc sửa đổi nhằm phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 và Điều 18 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Không tiếp tục quy định cơ chế Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho chính quyền cấp huyện quyết định đặt tên công trình công cộng do không còn tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện theo khoản 1 Điều 1 và khoản 3 Điều 51 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Bổ sung quy định tổ chức, cá nhân quyết định đặt tên, đổi tên công trình thuộc sở hữu của mình hoặc do mình đầu tư 100% kinh phí để xây dựng, được sử dụng vào mục đích khai thác, kinh doanh, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu chung của cộng đồng nhằm xác định rõ cơ chế đặt tên, đổi tên đối với các công trình này phù hợp với khoản 1 Điều 160 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13: Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình đối với tài sản nhưng không được trái với quy định của luật, gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.
--	---	---

nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp thường kỳ hàng năm.

Đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng đối với đô thị loại đặc biệt phải lấy ý kiến Bộ Văn hoá - Thông tin trước khi trình Hội đồng nhân dân xem xét ra Nghị quyết.

2. Quyết định đặt tên các công trình công cộng thuộc thẩm quyền. Kiểm tra, đôn đốc việc đặt tên các công trình công cộng đã ủy quyền cho chính quyền các cấp.

Tên công trình công cộng thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và công trình công cộng ủy quyền cho chính quyền các cấp cũng phải lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn về lịch sử, văn hoá, các tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể cùng cấp, các nhà nghiên cứu và cơ quan cấp trên trực tiếp trước khi quyết định.

3. Giao trách nhiệm cho các cơ quan chức năng thực hiện việc gắn biển tên đường, phố và công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị quyết về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hiệu lực.

4. Chỉ đạo Sở Văn hoá - Thông tin, các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, đài truyền hình...) của

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phổ biến, tuyên truyền cho việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng; làm rõ ý nghĩa sự kiện lịch sử, giá trị di tích, danh lam thắng cảnh, công trạng của danh nhân được chọn để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để mọi người được biết ./.		
(Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin V. HỘI ĐỒNG TƯ VẤN VỀ ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN ĐƯỜNG, PHỐ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG <i>1. Thành phần Hội đồng tư vấn gồm đại diện các cơ quan quản lý: Sở Văn hóa – Thông tin, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Giao thông Công chính, Sở Tài nguyên và Môi trường; một số nhà nghiên cứu về các lĩnh vực có liên quan.</i> <i>Hội đồng tư vấn do Sở Văn hóa – Thông tin làm cơ quan thường trực, Tổ thư ký gồm thành viên của các cơ quan có liên quan.</i> <i>2. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ:</i> <i>a) Tổng kiểm kê tên các đường, phố và công trình công cộng của các đô thị thuộc tỉnh, thành phố đã được đặt tên. Mỗi đô thị có hồ sơ riêng và tên được xếp theo loại (tên địa danh; danh từ có ý nghĩa tiêu biểu; tên di tích lịch sử - văn hóa - danh lam thắng cảnh; tên phong trào cách mạng, sự kiện lịch sử,</i>	Điều 10. Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. 2. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Cơ quan chuyên môn về văn hóa là cơ quan thường trực của Hội đồng. Thành viên Hội đồng gồm đại diện cơ quan chuyên môn về xây dựng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan và các chuyên gia về lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, quy hoạch, giao thông. 3. Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên có nhiệm vụ: a) Cho ý kiến về việc xây dựng, bổ sung tên vào ngân hàng tên; b) Tư vấn về nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và tính phù hợp của tên dự kiến; c) Tư vấn về sự tương xứng giữa tên dự kiến với đường phố, công trình công cộng; d) Cho ý kiến đối với phương án đặt tên, đổi tên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế này; đ) Cho ý kiến tư vấn về tên công trình công cộng do tổ chức, cá nhân đặt theo đề nghị của cơ quan chuyên môn về văn hóa trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này; e) Tư vấn xử lý trường hợp có ý kiến khác nhau về tên.	Điều 10 dự thảo được xây dựng trên cơ sở kế thừa khoản 1 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Mục V Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT; quy định cụ thể thẩm quyền thành lập Hội đồng tư vấn, Chủ tịch Hội đồng, cơ quan thường trực, thành phần, nhiệm vụ, chế độ làm việc và giá trị pháp lý của ý kiến tư vấn. Lý do: Nghị định số 91/2005/NĐ-CP và Mục V Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT quy định Hội đồng tư vấn thực hiện nhiều nhiệm vụ như kiểm kê tên đường phố, công trình công cộng; nghiên cứu, xác lập ngân hàng tên; lựa chọn tên dự kiến đặt cho đường phố, công trình công cộng. Tuy nhiên, chưa phân định rõ nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan quản lý nhà nước với nhiệm vụ tư vấn chuyên môn của Hội đồng; chưa quy định cụ thể, thống nhất chế độ làm việc và giá trị pháp lý của ý kiến tư vấn. Dự thảo phân định lại nhiệm vụ theo hướng: 1. Cơ quan chuyên môn về văn hóa làm đầu mối xây dựng, quản lý, cập nhật ngân hàng tên theo khoản 2 Điều 8; chủ trì xây dựng phương án đặt tên, đổi tên theo khoản 1 Điều 12. 2. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát nhu cầu, đề xuất đặt tên, đổi tên trên địa bàn theo khoản 1 Điều 12. Việc phối hợp và lấy ý kiến về phương án được thực hiện theo quy định tại Điều 12.

<i>chiến thắng tiêu biểu; tên danh nhân; mỗi loại tên được xếp theo thứ tự A, B, C.</i> <i>b) Phát hiện những tên đường, phố trùng nhau, chưa đúng hoặc chưa hợp lý để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân cho sửa hoặc thay đổi.</i> <i>c) Căn cứ vào các quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng để nghiên cứu xác lập ngân hàng tên (danh mục tên được lựa chọn, lưu trữ) để có thể sử dụng lâu dài cho việc đặt tên đường, phố và công trình công cộng cần đặt tên ở các đô thị của tỉnh, thành phố. Ngân hàng tên này cũng được xếp loại như nêu tại điểm a, khoản 2, Mục V, kèm theo hồ sơ đầy đủ của mỗi tên được đưa vào danh sách.</i> <i>d) Lựa chọn những tên phù hợp trong ngân hàng tên dự kiến đặt tên đường, phố hoặc công trình công cộng để Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp.)</i>	4. Căn cứ nội dung từng hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng được mời chuyên gia, nhà khoa học tham gia tư vấn. 5. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, kết luận theo đa số. Ý kiến của Hội đồng là ý kiến tư vấn chuyên môn, không thay thế quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền. 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng.	3. Hội đồng tư vấn tập trung thực hiện nhiệm vụ tư vấn chuyên môn về nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa, sự tương xứng của tên dự kiến; cho ý kiến về ngân hàng tên, phương án đặt tên, đổi tên và các trường hợp có ý kiến khác nhau. Đồng thời, dự thảo quy định thành phần Hội đồng theo chức năng của cơ quan, tổ chức thay vì liệt kê tên các sở cụ thể; xác định Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, kết luận theo đa số; ý kiến của Hội đồng không thay thế quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng. Việc sửa đổi nhằm phân định rõ trách nhiệm tham mưu, quản lý nhà nước và tư vấn chuyên môn, bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn phù hợp với tổ chức bộ máy và yêu cầu thực tiễn. <i>(Tiếp thu ý kiến của An Giang, TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Hậu Giang, Quảng Bình, Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, Quảng Trị (9/40 báo cáo) về vai trò, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Hội đồng tư vấn không còn phù hợp, và ý kiến của Lâm Đồng, Ninh Bình, Đắk Nông, Thái Nguyên về tên các cơ quan trong thành phần Hội đồng tư vấn tại Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT đã thay đổi)</i>
Không quy định	Điều 11. Hồ sơ đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng 1. Hồ sơ đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng gồm:	Bổ sung mới quy định về hồ sơ đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. Lý do: Nghị định số 91/2005/NĐ-CP mới quy định khái quát việc lập danh mục tên, lấy ý kiến và trình cấp có thẩm quyền tại khoản 1 Điều 17, chưa quy định cụ thể, thống nhất về thành phần hồ sơ và nội dung phương án đặt tên, đổi tên. Mục VI Thông tư

	a) Tờ trình theo Mẫu số 01 hoặc Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này; b) Phương án đặt tên, đổi tên theo Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này. c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, cơ quan, tổ chức có liên quan; d) Văn bản ý kiến của Hội đồng tư vấn; đ) Hồ sơ, tài liệu xác minh nguồn gốc, ý nghĩa của tên dự kiến; e) Sơ đồ vị trí đường phố, công trình công cộng dự kiến đặt tên. g) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về việc đặt tên, đổi tên theo thẩm quyền; h) Tài liệu khác có liên quan. 2. Phương án đặt tên, đổi tên gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Danh mục đường phố, công trình công cộng đề nghị đặt tên, đổi tên; b) Vị trí, điểm đầu, điểm cuối, chiều dài, chiều rộng, cấp, chức năng đối với đường phố; vị trí, chức năng, loại, cấp, quy mô, phạm vi phục vụ, cơ quan, tổ chức được giao quản lý đối với công trình công cộng; c) Tên dự kiến; các thông tin về nguồn gốc tên gọi, danh nhân, địa danh, sự kiện lịch sử, văn hóa, vị trí và các thông tin khác có liên quan dự kiến đưa vào mã QR trên biển tên; d) Thuyết minh về việc đáp ứng điều kiện đặt tên; nguồn gốc, ý nghĩa của tên dự kiến; đ) Tóm tắt ý nghĩa của tên dự kiến đặt cho đường phố, công trình công cộng; mô tả tóm tắt về quy mô của đường phố hoặc công trình công cộng đó; Căn cứ xác định sự tương xứng giữa tên dự kiến với đường phố hoặc công trình công cộng; e) Lý do đổi tên và đánh giá tác động đối với trường hợp đổi tên; g) Bản đồ, sơ đồ hoặc dữ liệu không gian xác định đường phố, công trình công cộng;	số 36/2006/TT-BVHTT hướng dẫn hình thức lấy ý kiến nhưng chưa quy định đầy đủ thành phần hồ sơ. Việc bổ sung nhằm thống nhất thành phần hồ sơ, bảo đảm phương án đặt tên, đổi tên có đầy đủ căn cứ về vị trí, chức năng, quy mô của đường phố, công trình công cộng; nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa của tên dự kiến; kết quả lấy ý kiến và đánh giá tác động đối với trường hợp đổi tên, phục vụ việc xem xét, quyết định của cơ quan có thẩm quyền. <i>(Tiếp thu ý kiến của An Giang, Đồng Nai, Hòa Bình, Nghệ An, TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Yên Bái, Bắc Kạn, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Phú Yên, Quảng Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Long, Bình Định, Điện Biên, Lai Châu, Quảng Trị, Thanh Hóa về việc quy trình, trình tự, thủ tục, hồ sơ chưa được quy định cụ thể).</i>
--	---	--

	h) Nội dung khác có liên quan.	
Không quy định	Điều 12. Trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng 1. Đề xuất và xây dựng phương án đặt tên, đổi tên Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát nhu cầu đặt tên, đổi tên trên địa bàn; xác định đường phố, công trình công cộng cần đặt tên, đổi tên; đề xuất tên dự kiến và gửi cơ quan chuyên môn về văn hóa. Cơ quan chuyên môn về văn hóa chủ động rà soát, đề xuất đổi với đường phố đi qua địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên và các trường hợp cần đổi tên theo quy định tại Quy chế này; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng phương án; nghiên cứu, xác minh nguồn gốc, ý nghĩa của tên dự kiến. Trường hợp tên dự kiến chưa có trong ngân hàng tên thì thực hiện việc bổ sung vào ngân hàng tên đồng thời với quá trình xây dựng, hoàn thiện phương án đặt tên, đổi tên. 2. Lấy ý kiến về phương án đặt tên, đổi tên Phương án đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng phải được tổ chức lấy ý kiến theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thời gian lấy ý kiến là 30 ngày kể từ ngày phương án được công khai. Trường hợp dự kiến sử dụng tên có nguồn gốc nước ngoài, phải lấy ý kiến cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đối ngoại. Trong trường hợp còn có nhiều ý kiến khác nhau, gây tranh cãi trong dư luận, cơ quan chuyên môn về văn hóa tổng hợp các ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trước khi tổ chức lấy ý kiến của Hội đồng tư vấn. 3. Lấy ý kiến Hội đồng tư vấn Cơ quan chuyên môn về văn hóa tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến; chỉnh lý phương án và gửi Hội đồng tư vấn.	1. Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. Lý do: Khoản 1 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP đã quy định việc lập danh mục, lấy ý kiến và trình Hội đồng nhân dân quyết định đặt tên, đổi tên nhưng chưa quy định cụ thể, thống nhất trình tự thực hiện, trách nhiệm của từng cơ quan và thời hạn giải quyết ở từng giai đoạn. Điều 12 dự thảo quy định trình tự, thủ tục theo 04 giai đoạn: (1) đề xuất, xây dựng phương án; (2) lấy ý kiến về phương án; (3) lấy ý kiến Hội đồng tư vấn; (4) hoàn thiện hồ sơ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Việc công bố quyết định được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 12; việc gắn biển tên và cập nhật dữ liệu được quy định tại Điều 13 (<i>Tiếp thu ý kiến của An Giang, Đồng Nai, Hòa Bình, Nghệ An, TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Yên Bái, Bắc Kạn, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Phú Yên, Quảng Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Long, Bình Định, Điện Biên, Lai Châu, Quảng Trị, Thanh Hóa về việc quy trình, trình tự, thủ tục, hồ sơ chưa được quy định cụ thể</i>). 2. Về trách nhiệm xây dựng phương án và lấy ý kiến: Khoản 1 Điều 12 xác định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong rà soát, đề xuất đặt tên, đổi tên; cơ quan chuyên môn về văn hóa chủ trì xây dựng phương án và chủ động đề xuất đổi với đường phố đi qua địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên, phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm

	Hội đồng tư vấn xem xét, cho ý kiến về nguồn gốc, ý nghĩa, tính chính xác của tên dự kiến; sự phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Quy chế này; sự tương xứng giữa tên dự kiến với đường phố, công trình công cộng; kết quả lấy ý kiến và việc tiếp thu, giải trình. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ phương án và tài liệu có liên quan, Hội đồng tư vấn gửi ý kiến bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về văn hóa. 4. Hoàn thiện hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Hội đồng tư vấn, cơ quan chuyên môn về văn hóa có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình; lập Tờ trình, hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Quy chế này và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp việc chỉnh sửa làm thay đổi tên dự kiến đã được lấy ý kiến thì phải thực hiện lại việc lấy ý kiến theo quy định tại khoản 2 Điều này. b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tại kỳ họp gần nhất; c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa bảo đảm yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu cơ quan chuyên môn về văn hóa hoàn thiện hồ sơ, trong đó nêu rõ nội dung cần hoàn thiện. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn quy định tại khoản này; d) Văn bản quyết định đặt tên, đổi tên phải được công bố công khai theo quy định.	quyền tại điểm g khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Khoản 2 Điều 12 quy định việc lấy ý kiến theo pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, thời gian lấy ý kiến là 30 ngày kể từ ngày công khai phương án, nhằm bảo đảm công khai, minh bạch và tạo điều kiện để Nhân dân tham gia ý kiến. 3. Về lấy ý kiến Hội đồng tư vấn: Khoản 3 Điều 12 bổ sung quy định về nội dung xem xét, hình thức cho ý kiến bằng văn bản và thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhận đủ phương án, tài liệu có liên quan (<i>tiếp thu ý kiến của An Giang, Vĩnh Long về thời gian hoàn thành một hồ sơ trung bình từ 3 đến 4 tháng; tiếp thu ý kiến của An Giang, Đồng Nai, Hòa Bình, Nghệ An, TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Yên Bái, Bắc Kạn, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Phú Yên, Quảng Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Long, Bình Định, Điện Biên, Lai Châu, Quảng Trị, Thanh Hóa về quy trình chưa cụ thể</i>). Việc bổ sung khắc phục tình trạng quy định hiện hành chưa xác định cụ thể thời hạn thực hiện khâu tư vấn chuyên môn. 5. Về hoàn thiện hồ sơ: Điểm a khoản 4 Điều 12 quy định cơ quan chuyên môn về văn hóa có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến Hội đồng tư vấn, hoàn thiện hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 15 ngày làm việc. Trường hợp chỉnh sửa làm thay đổi tên dự kiến đã được lấy ý kiến thì phải tổ chức lấy ý kiến lại (<i>Tiếp thu ý kiến của An Giang, Đồng Nai, Hòa Bình, Nghệ An, TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Yên Bái, Bắc Kạn, Đắk Lắk, Hà Tĩnh, Phú Yên, Quảng Bình,</i>
--	--	---

		Thái Nguyên, Vĩnh Long, Bình Định, Điện Biên, Lai Châu, Quảng Trị, Thanh Hóa về thành phần hồ sơ, trình tự chưa cụ thể). 6. Về xem xét, trình quyết định: Điểm b và điểm c khoản 4 Điều 12 bổ sung thời hạn 10 ngày làm việc để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tại kỳ họp gần nhất; quy định việc yêu cầu hoàn thiện hồ sơ khi chưa bảo đảm yêu cầu. Việc sửa đổi nhằm khắc phục quy định trình Hội đồng nhân dân tại các kỳ họp thường kỳ hằng năm của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, phù hợp với khoản 1 Điều 16 và Điều 34 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, bảo đảm xác định rõ trách nhiệm, thời hạn xử lý hồ sơ và hạn chế kéo dài quá trình xem xét, quyết định.
Điều 17 Quy chế. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ: 3. Giao trách nhiệm cho các cơ quan chức năng thực hiện việc gắn biển tên đường, phố và công trình công cộng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Nghị quyết về việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hiệu lực. Mục VII Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT VII. BIỂN TÊN ĐƯỜNG, PHỐ 1. Kích thước: Hình chữ nhật 75cm x 40cm.	Điều 13. Gắn biển tên và quản lý, cập nhật dữ liệu về tên đường phố, công trình công cộng 1. Đường phố sau khi được đặt tên, đổi tên phải được gắn biển tên. 2. Biển tên đường phố, công trình công cộng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm rõ ràng, dễ nhận biết, dễ đọc, bền vững, an toàn, phù hợp với mỹ quan đô thị và điều kiện thực tế tại vị trí lắp đặt; b) Nội dung biển tên phải thể hiện chính xác, thống nhất với tên được cơ quan có thẩm quyền quyết định. Biển tên có thể tích hợp mã QR hoặc phương thức điện tử khác để cung cấp thông tin về nguồn gốc, ý nghĩa câu tên gọi và các thông tin khác có liên quan. c) Biển tên đường phố có nền màu xanh lam sẫm, chữ màu trắng, sử dụng kiểu chữ in hoa không chân. Tên đường phố được thể hiện rõ ràng, nổi bật trên biển tên.	1. Về gắn biển tên và cập nhật thông tin, dữ liệu Khoản 1, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 13 dự thảo kế thừa quy định về trách nhiệm gắn biển tên và thời hạn 30 ngày tại khoản 3 Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP; đồng thời bổ sung trách nhiệm cập nhật tình trạng sử dụng tên trong ngân hàng tên; cập nhật thông tin về tên đường phố, công trình công cộng trên bản đồ, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan và trách nhiệm phối hợp của Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời hạn thực hiện là 30 ngày kể từ ngày văn bản quyết định đặt tên, đổi tên có hiệu lực (<i>Tiếp thu ý kiến của Bình Định về chi phí, xáo trộn đối với người dân khi đổi tên; ý kiến của Nam Định về việc</i>

Đối với đô thị loại nhỏ, kích thước biển có thể nhỏ hơn, nhưng phải đảm bảo thống nhất kích thước biển trong cùng một đô thị. 2. Màu sắc: Xanh lam sẫm; đường viền trắng rộng 0,5cm cách mép ngoài của biển từ 3cm đến 3,5cm, bốn góc đường viền uốn cong đều vào bên trong. 3. Chất liệu: Sắt tráng men hoặc nhôm lá dập, sơn chất liệu phản quang. 4. Chữ viết trên biển: Kiểu chữ: Chữ in hoa không có chân, màu trắng; từ đường hoặc phố ở dòng trên, từ tên đường hoặc tên phố ở dòng dưới và có cỡ chữ to hơn từ đường hoặc từ phố. Đô thị nào có lô-gô thì thể hiện lô-gô màu trắng lên góc cao bên trái biển. 5. Vị trí gắn biển: - Biển được gắn ở đầu, ở cuối đường, phố và ở các điểm giao nhau với đường, phố khác. - Biển được gắn trên đầu cột sắt đường kính tối thiểu 10cm, được chôn vững chắc, khoảng cách từ mặt đất đến đầu cột cao khoảng 250cm, vị trí cột ở gần mép góc vuông vỉa hè của hai đường, phố giao nhau; hai biển tên hai đường, phố giao nhau gắn vuông góc với nhau trên một cột. Tại nơi gắn biển có cột điện ở vị trí thích hợp thì biển có thể được gắn trên cột điện đó.	Biển tên công trình công cộng được thiết kế phù hợp với tính chất, chức năng, quy mô và đặc điểm kiến trúc của công trình, bảo đảm các yêu cầu quy định tại điểm a và điểm b khoản này; d) Biển tên đường phố được lắp đặt tại vị trí dễ quan sát ở đầu tuyến, cuối tuyến và các vị trí giao nhau cần thiết; bảo đảm an toàn giao thông, không cản trở tầm nhìn và hoạt động của người tham gia giao thông. Biển tên công trình công cộng được lắp đặt tại vị trí phù hợp, thuận tiện cho việc nhận biết công trình. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc tổ chức gắn biển tên đường phố, công trình công cộng và cập nhật thông tin, dữ liệu sau khi đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. 4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày văn bản quyết định đặt tên, đổi tên có hiệu lực, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ có trách nhiệm: a) Gắn mới, thay thế hoặc điều chỉnh biển tên đường phố, công trình công cộng; b) Cập nhật tình trạng sử dụng của tên trong ngân hàng tên; c) Cập nhật thông tin về tên đường phố, công trình công cộng trên bản đồ, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; d) Thông báo cho cơ quan, tổ chức có liên quan để cập nhật thông tin phục vụ quản lý nhà nước. 5. Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc gắn mới, thay thế hoặc điều chỉnh biển tên đường phố, công trình công cộng; thông tin đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn về việc đặt tên, đổi tên. 6. Cơ quan quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có sử dụng thông tin về địa chỉ, tên đường phố có trách nhiệm cập nhật thông tin theo phạm vi quản lý. Việc thay đổi, cập nhật thông tin trên giấy tờ, hồ sơ của tổ chức, cá nhân do đặt tên, đổi tên đường phố được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	<i>thay biển, cập nhật bản đồ sau khi đổi tên chưa đồng bộ).</i> Việc bổ sung nhằm bảo đảm thống nhất giữa văn bản quyết định với biển tên, hồ sơ quản lý, cơ sở dữ liệu và bản đồ số theo khoản 7 Điều 4 dự thảo; đồng thời hạn chế sai lệch thông tin phục vụ quản lý nhà nước, xác định địa chỉ và giao dịch của tổ chức, cá nhân. 2. Về nội dung, hình thức và vị trí gắn biển tên Khoản 2 Điều 13 dự thảo kế thừa một số quy định tại Mục VII Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT và quy định trực tiếp yêu cầu đối với biển tên về tính rõ ràng, dễ nhận biết, độ bền, an toàn, mỹ quan; màu sắc, kiểu chữ đối với biển tên đường phố và vị trí lắp đặt phù hợp đối với từng loại công trình. Bổ sung quy định biển tên có thể tích hợp mã QR hoặc phương thức điện tử khác để cung cấp thông tin về nguồn gốc, ý nghĩa của tên gọi và thông tin có liên quan (<i>Tiếp thu ý kiến và thực tiễn của Hải Phòng về gắn mã QR lên biển tên; ý kiến của An Giang, Vĩnh Long, Đắk Nông, Hậu Giang đề nghị thể hiện xuất xứ, tiểu sử tên gọi</i>). Lý do: Việc đưa các yêu cầu cơ bản vào Nghị định nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất, đồng thời bổ sung khả năng ứng dụng công nghệ để cung cấp thông tin về nguồn gốc, ý nghĩa tên gọi, phục vụ nhu cầu tìm hiểu của người dân. Đối với quy cách biển tên, dự thảo đã quy định màu sắc, kiểu chữ và các yêu cầu chung nhưng chưa quy định cụ thể kích thước, mẫu biển (<i>Tiếp thu ý kiến của Sơn La, TP. Hồ Chí Minh về kích thước, mẫu biển</i>).
--	---	--

		3. Về quản lý, cập nhật dữ liệu về tên đường phố, công trình công cộng Khoản 4 và khoản 6 Điều 13 dự thảo bổ sung trách nhiệm cập nhật thông tin sau khi đặt tên, đổi tên trên ngân hàng tên, bản đồ, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; trách nhiệm của cơ quan quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có sử dụng thông tin về địa chỉ, tên đường phố. Các quy định này được thực hiện kết hợp với việc xây dựng, quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu, ngân hàng tên tại Điều 8 dự thảo (<i>Tiếp thu ý kiến của An Giang, Đồng Nai, Lâm Đồng, Nghệ An, Yên Bái, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Vĩnh Long, Nam Định (9/40 báo cáo) về cơ sở dữ liệu, số hóa, bản đồ số, hồ sơ điện tử</i>). Lý do: Nghị định số 91/2005/NĐ-CP chưa quy định việc quản lý, cập nhật dữ liệu điện tử về tên đường phố, công trình công cộng. Việc bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý thông tin số, bảo đảm sự thống nhất, kịp thời giữa quyết định đặt tên, đổi tên và các hệ thống dữ liệu có liên quan; phù hợp với nguyên tắc kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu tại khoản 2 Điều 6 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 và chủ trương phát triển, kết nối, chia sẻ dữ liệu số tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.
Không quy định	Điều 14. Đặt tên, đổi tên công trình thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân hoặc do tổ chức, cá nhân đầu tư 100% kinh phí để xây dựng 1. Việc đặt tên, đổi tên đáp ứng các nguyên tắc và quy định tại Điều 4 Quy chế này. Khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng tên trong Cơ sở dữ liệu về tên. 2. Khi phát hiện tên của công trình có dấu hiệu trái nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này, cơ quan chuyên môn về văn hóa chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân sở hữu công trình	Nghị định số 91/2005/NĐ-CP quy định thẩm quyền đặt tên công trình công cộng tại Điều 15 nhưng chưa phân định rõ cơ chế đặt tên, đổi tên đối với công trình thuộc sở hữu tư nhân được sử dụng để khai thác, kinh doanh, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu chung của cộng đồng. Khoản 1 Điều 14 dự thảo cụ thể hóa khoản 2 Điều 9, theo hướng bảo đảm quyền chủ động của tổ chức,

	tổ chức lấy ý kiến tham vấn của Hội đồng tư vấn về tên của công trình nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. 3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc đổi tên công trình trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân có văn bản yêu cầu đổi tên.	cá nhân trong việc đặt tên, đổi tên công trình thuộc phạm vi quy định, đồng thời yêu cầu tuân thủ các nguyên tắc tại Điều 4 Quy chế. Quy định này phù hợp với nguyên tắc thực hiện quyền sở hữu tại Điều 158 và khoản 2 Điều 160 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, theo đó chủ sở hữu được thực hiện các hành vi theo ý chí của mình đối với tài sản trong giới hạn pháp luật cho phép. Việc khuyến khích sử dụng tên trong cơ sở dữ liệu nhằm tạo thuận lợi cho việc lựa chọn tên có nguồn gốc, ý nghĩa, giá trị lịch sử, văn hóa đã được nghiên cứu, xác minh nhưng không làm phát sinh nghĩa vụ bắt buộc sử dụng những tên này. Khoản 2 Điều 14 bổ sung cơ chế xem xét, xử lý trường hợp tên công trình có dấu hiệu không phù hợp với nguyên tắc đặt tên tại Điều 4 Quy chế. Theo đó, cơ quan chuyên môn về văn hóa chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân sở hữu công trình lấy ý kiến tham vấn của Hội đồng tư vấn và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Việc bổ sung nhằm bảo đảm quyền chủ động đặt tên của chủ sở hữu gắn với trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc về lịch sử, văn hóa, truyền thống, thuần phong mỹ tục và lợi ích cộng đồng. Khoản 3 Điều 14 bổ sung trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện việc đổi tên công trình trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân có văn bản yêu cầu đổi tên, nhằm xác định thời hạn thực hiện và trách nhiệm khắc phục đối với trường hợp tên công trình không phù hợp với quy định. Việc bổ sung Điều 14 nhằm xác định rõ cơ chế đặt tên, đổi tên đối với công trình thuộc sở hữu tư nhân phục vụ nhu cầu chung của cộng đồng; bảo đảm
--	--	--

		quyền của chủ sở hữu theo pháp luật dân sự, đồng thời tạo cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước xem xét, xử lý tên gọi không phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Quy chế.
Không quy định	Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN	
Không quy định	Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 1. Chủ trì xây dựng và công bố cơ sở dữ liệu về tên đường phố, công trình công cộng trước ngày 31 tháng 12 năm 2028. 2. Thực hiện quản lý nhà nước về đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng trong phạm vi cả nước. 3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế. 4. Phối hợp với Bộ Xây dựng và bộ, ngành liên quan bảo đảm thống nhất giữa việc đặt tên, đổi tên với quản lý đường bộ, xây dựng, quy hoạch và dữ liệu. 5. Hướng dẫn chuẩn hóa thông tin, dữ liệu về tên đường phố, công trình công cộng. 6. Tổng hợp, giải quyết hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc.	Kế thừa, sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quản lý nhà nước về đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. Lý do: Điều 3 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP mới quy định trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin trong việc hướng dẫn thực hiện Quy chế, chưa quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ về quản lý nhà nước, kiểm tra, phối hợp liên ngành, xây dựng cơ sở dữ liệu và xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Điều 15 dự thảo kế thừa trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế, đồng thời bổ sung, cụ thể hóa trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong quản lý nhà nước về đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng trên phạm vi cả nước; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan nhằm bảo đảm thống nhất giữa việc đặt tên, đổi tên với quản lý đường bộ, xây dựng, quy hoạch và dữ liệu (<i>Tiếp thu ý kiến của TP. Hồ Chí Minh về phối hợp giữa ngành văn hóa và ngành xây dựng trong đặt tên đường</i>). Bổ sung trách nhiệm chủ trì xây dựng, công bố cơ sở dữ liệu về tên đường phố, công trình công cộng trước ngày 31/12/2028; hướng dẫn chuẩn hóa thông tin, dữ liệu và tổng hợp, giải quyết hoặc kiến nghị

		cơ quan có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.
Không quy định	Điều 16. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ 1. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn, giải quyết các vấn đề liên quan đến xác định, quản lý đường phố và các nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ trong việc đặt tên, đổi tên đường phố. 2. Bộ Công an phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan trong việc kết nối, chia sẻ, khai thác thông tin về tên đường phố, công trình công cộng phục vụ quản lý dân cư, địa chỉ và các yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật. 3. Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan có liên quan trong việc xem xét các vấn đề về đối ngoại phát sinh trong đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng, đặc biệt đối với trường hợp sử dụng tên có nguồn gốc nước ngoài. 4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện Quy chế này. 5. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, quản lý và cập nhật Cơ sở dữ liệu tên đường phố, công trình công cộng.	Nghị định số 91/2005/NĐ-CP đã quy định trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin tại Điều 3 và trách nhiệm thi hành chung của các bộ trưởng tại Điều 4, nhưng chưa quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp của từng bộ, ngành trong việc đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng. Việc bổ sung nhằm xác định rõ trách nhiệm phối hợp liên ngành, bảo đảm thống nhất giữa hoạt động đặt tên, đổi tên với quản lý đường bộ, xây dựng, thông tin về địa chỉ, dân cư và quan hệ đối ngoại; tạo cơ sở xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước, đồng thời không làm thay đổi thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên theo Điều 9 Quy chế.
Không quy định	Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Tổ chức thực hiện Quy chế trên địa bàn. 2. Bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng tư vấn. 3. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ về đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng theo quy định của Quy chế này. 4. Tổ chức quản lý biển tên đường, phố; chỉ đạo cập nhật, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu có liên quan.	Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP đã quy định một số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thành lập Hội đồng tư vấn, tổ chức nghiên cứu, xác lập ngân hàng tên, lập danh mục tên dự kiến, lấy ý kiến, gắn biển tên và tuyên truyền về việc đặt tên, đổi tên. Tuy nhiên, các nhiệm vụ chưa được phân định rõ giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng tư vấn, cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương; chưa quy

	5. Bố trí kinh phí để thực hiện đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng; gắn biển tên đường, phố; xây dựng, cập nhật ngân hàng tên và các dữ liệu liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. 6. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền.	định đầy đủ trách nhiệm về quản lý dữ liệu và bảo đảm kinh phí thực hiện. Điều 17 dự thảo kế thừa trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế trên địa bàn, đồng thời quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bảo đảm điều kiện hoạt động của Hội đồng tư vấn; chỉ đạo cơ quan chuyên môn về văn hóa và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ đặt tên, đổi tên; tổ chức quản lý biển tên; chỉ đạo cập nhật, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu; bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền (<i>Tiếp thu ý kiến của Khánh Hòa, Yên Bái, Hà Tĩnh, Hậu Giang, Quảng Bình, Nam Định về kinh phí thực hiện còn hạn chế</i>). Đồng thời, dự thảo phân định rõ trách nhiệm quản lý, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với nhiệm vụ nghiệp vụ thường xuyên của cơ quan chuyên môn về văn hóa, trách nhiệm rà soát, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã và chức năng tư vấn chuyên môn của Hội đồng tư vấn theo các điều 8, 10, 12 và 18 của Quy chế. Việc sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm sự phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan trong tổ chức thực hiện việc đặt tên, đổi tên; phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 và Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý dữ liệu và bảo đảm điều kiện, nguồn lực thực hiện trong mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.
Không quy định	Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã	Bổ sung mới. Lý do: Nghị định số 91/2005/NĐ-CP đã quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp

	1. Rà soát đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn có nhu cầu đặt tên và các trường hợp cần xem xét đổi tên theo quy định tại Điều 6 Quy chế này; đề xuất việc đặt tên, đổi tên theo quy định. 2. Phối hợp với cơ quan chuyên môn về văn hóa trong việc rà soát, thống kê tên đường, phố và công trình công cộng; xây dựng phương án đặt tên, đổi tên; cung cấp thông tin, tài liệu và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân. 3. Tổ chức thực hiện quyết định đặt tên, đổi tên theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 4. Phối hợp quản lý biển tên đường, phố; cập nhật, cung cấp và đối soát thông tin, dữ liệu có liên quan. 5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế này./.	tỉnh trong việc tổ chức đặt tên, đổi tên tại Điều 17 và cơ chế ủy quyền cho chính quyền cấp huyện quyết định đặt tên một số công trình công cộng tại Điều 15, nhưng chưa quy định cụ thể trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình rà soát, đề xuất, lấy ý kiến và tổ chức thực hiện quyết định đặt tên, đổi tên. Điều 18 dự thảo bổ sung quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc rà soát nhu cầu, đề xuất đặt tên, đổi tên đường phố, công trình công cộng trên địa bàn; phối hợp với cơ quan chuyên môn về văn hóa rà soát, thống kê, xây dựng phương án, cung cấp thông tin, tài liệu và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; tổ chức thực hiện quyết định đặt tên, đổi tên theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phối hợp quản lý biển tên, cập nhật, cung cấp và đối soát thông tin, dữ liệu có liên quan (Tiếp thu ý kiến của An Giang, Hòa Bình, Nghệ An, TP. Huế, TP. Hồ Chí Minh, Vĩnh Phúc, Cà Mau, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hưng Yên, Lào Cai, Quảng Bình, Thái Nguyên, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bình Định, Điện Biên, Quảng Trị, Thanh Hóa về xác định rõ trách nhiệm từng cấp, trong đó có Ủy ban nhân dân cấp xã). Việc bổ sung nhằm xác định rõ trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong công tác đặt tên, đổi tên trên địa bàn, bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tại khoản 1 Điều 1, nhiệm vụ quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tại khoản 2, khoản 3 Điều 22 và các quy định có liên quan của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; đồng thời bảo đảm phân định trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với cơ
--	---	---

		quan chuyên môn về văn hóa và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, không làm thay đổi thẩm quyền quyết định đặt tên, đổi tên theo Điều 9 Quy chế.
--	--	--